

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH**

Số: 22 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 21 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về Kế hoạch đầu tư công năm 2023 huyện Quảng Ninh
(Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2023;

Xét Tờ trình số 374/TTr-UBND ngày 13/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị Hội đồng nhân dân huyện thông qua Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2023 (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý); sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2023 (Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý) như sau:

1. Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách huyện quản lý là: **310.763 triệu đồng**. Trong đó:

- Vốn ngân sách tập trung: 20.680 triệu đồng
- Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất: 290.083 triệu đồng

2. Cơ cấu nguồn vốn, phương án phân bổ và danh mục các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công năm 2023 (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý) tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân huyện:

Triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các tổ đại biểu và các đại biểu HĐND huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh, Ủy ban dân nhân huyện phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện để xem xét, giải quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Quảng Ninh khóa XX, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2022./

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh (B/c);
- Các sở: KH-ĐT, TC;
- Ban Thường vụ Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị cấp huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, TT;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Thụ

PHỤC LỤC

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện Quảng Ninh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí đến 30/11/2022		Số vốn còn thiếu 30/11/2022	Dự kiến bố trí năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong năm 2022			
	TỔNG SỐ			1.361.237,8	184.586,0	125.344,9	1.087.851,8	310.763,0	
A	NGUỒN VỐN NS TẬP TRUNG			38.667,4	20.649,0	14.749,0	18.018,4	20.680,0	
I	Bố trí các công trình chuyển tiếp			38.667,4	20.649,0	14.749,0	18.018,4	9.880,0	
1	Nâng cấp đường Trần Xá - Quyết Tiến - Trường Niên	Hàm Ninh	2021-2023	1.997,8	1.950,0	650,0	47,8	46,0	
2	Nâng cấp đường Duy Ninh - Hàm Ninh	Duy Ninh	2021-2023	3.000,0	2.930,0	2.230,0	70,0	70,0	
3	Đường thôn Hòa Bình đi đê bao	Tân Ninh	2021-2023	1.984,6	1.940,0	640,0	44,6	44,0	
4	Nâng cấp đường Trúc Ly - Hàm Ninh	Võ Ninh	2021-2023	1.991,0	1.899,0	599,0	92,0	92,0	
5	Nâng cấp đường Hiền - Xuân - An - Vạn (Giai đoạn 2)	Hiền Ninh	2021-2023	1.994,0	1.930,0	630,0	64,0	64,0	
6	Phòng lớp học, chức năng trường THCS Vĩnh Ninh	Vĩnh Ninh	2022-2023	3.000,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	
7	Lát vỉa hè các tuyến đường Nguyễn Hữu Cảnh, Trương Văn Ly, Nguyễn Trãi, đường Hùng Vương	Quán Hào	2022-2024	2.500,0	800,0	800,0	1.700,0	764,0	
8	Nâng cấp đường từ QL 1A đi xóm 1 Trúc Ly	Võ Ninh	2022-2024	3.000,0	1.000,0	1.000,0	2.000,0	700,0	
9	Nâng cấp đường Tà Phan - Hiền Lộc	Duy Ninh	2022-2024	3.500,0	1.100,0	1.100,0	2.400,0	900,0	
10	Trường mầm non khu vực Hà Kiên xã Hàm Ninh	Hàm Ninh	2022-2023	2.700,0	1.300,0	1.300,0	1.400,0	1.400,0	
11	Xưởng thực hành nghề sửa xe ô tô, nhà để xe và khuôn viên trường giáo dục dạy nghề	Gia Ninh	2022-2023	1.000,0	500,0	500,0	500,0	500,0	
12	KCH kênh tưới Quảng Xá di Thế Lộc	Tân Ninh	2022-2024	2.000,0	600,0	600,0	1.400,0	700,0	
13	Cấp nước sinh hoạt các thôn Xuân Dục và thôn Võ Tân	Xuân Ninh	2022-2024	2.000,0	600,0	600,0	1.400,0	700,0	
14	KCH kênh tưới Hối Lạp HTX Thống Nhất	An Ninh	2022-2024	2.500,0	800,0	800,0	1.700,0	700,0	
15	Nâng cấp đường Tân Hiền di Tây Cỏ Hiền	Hiền Ninh	2022-2024	2.500,0	800,0	800,0	1.700,0	700,0	
16	Nâng cấp đường trục chính bản Lâm Ninh	Trương Xuân	2022-2024	1.500,0	500,0	500,0	1.000,0	500,0	
17	Nâng cấp đường Hồng Sơn di bản Tân Sơn	Trương Sơn	2022-2024	1.500,0	500,0	500,0	1.000,0	500,0	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí đến 30/11/2022		Số vốn còn thiếu 30/11/2022	Dự kiến bố trí năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong năm 2022			
II	Khởi công mới năm 2023			34.000,0	-	-	34.000,0	10.800,0	-
1	Sửa chữa đường Mê Chén đến khu công nghiệp	Lương Ninh	2023-2025	5.500,0			5.500,0	900,0	
2	Hệ thống điện chiếu sáng đường Trần Hưng Đạo và nâng cấp các tuyến nội thị	Quản Hậu	2023-2025	6.000,0			6.000,0	1.000,0	
3	Nâng cấp đường thôn Vinh Tuy 1 đi thôn Vinh Tuy 3	Vinh Ninh	2023-2025	5.000,0			5.000,0	900,0	
4	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường tiểu học Võ Ninh (Điểm trường thôn Hà Thiệp)	Võ Ninh	2023-2025	4.000,0			4.000,0	1.000,0	
5	Xây dựng kênh tưới Quyết Tiến - Trường Niên	Hâm Ninh	2023-2025	3.000,0			3.000,0	700,0	
6	Nhà lớp học 6 phòng và hệ thống PCCC trường tiểu học Duy Ninh	Duy Ninh	2023-2025	4.000,0			4.000,0	1.000,0	
7	Cống qua Hới Rào nói đê bên Giữa	Vạn Ninh	2023-2025	3.500,0			3.500,0	800,0	
8	Nhà hiệu bộ và hệ thống PCCC trường tiểu học Tân Ninh	Tân Ninh	2023-2025	3.000,0			3.000,0	700,0	
9	Hệ thống điện chiếu sáng QL 1A phía Nam xã Gia Ninh	Gia Ninh	2023-2025	1.200,0			1.200,0	400,0	
10	Kênh cấp 1 hồ Long Đại xã Hiền Ninh	Hiền Ninh	2023-2025	2.000,0			2.000,0	700,0	
11	Điện chiếu sáng từ đường Hồ Chí Minh về trung tâm xã Xuân Ninh	Xuân Ninh	2023-2025	1.200,0			1.200,0	400,0	
12	Trụ sở công an xã Trường Xuân	Trường Xuân	2023-2025	2.000,0			2.000,0	600,0	
13	Đường tránh lũ khẩn cấp Liên Xuân đi Long Sơn (giai đoạn 2)	Trường Sơn	2023-2025	3.000,0			3.000,0	700,0	
14	Nhà lớp học 4 phòng trường mầm non An Ninh	An Ninh	2023-2025	4.500,0			4.500,0	1.000,0	
B	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT			1.322.570,4	163.937,0	110.595,9	1.069.833,4	290.083,0	
I	Bố trí các công trình chuyển tiếp			385.870,4	163.937,0	110.595,9	203.433,4	105.283,0	
I.1	Đầu tư đô thị Dinh Mười (Thực hiện chương trình hành động của Huyện ủy)	-	-	41.000,0	10.300,0	10.300,0	30.700,0	12.010,0	-
1	Nâng cấp đường liên xã từ Dinh Mười đi thôn Tân Định (Đoạn QL1A đi đường BOT)	Gia Ninh, Hải Ninh	2022-2024	10.000,0	3.000,0	3.000,0	7.000,0	3.160,0	
2	Nâng cấp đường từ phía Nam nhà văn hóa thôn Dinh Mười đi đường tránh lũ	Gia Ninh	2022-2024	10.000,0	3.000,0	3.000,0	7.000,0	3.000,0	
3	Điện chiếu sáng từ ngã tư đường tránh BOT đi bãi tắm Tân Định, Hải Ninh	Gia Ninh, Hải Ninh	2022-2024	7.000,0	-	-	7.000,0	1.500,0	
4	Cấp nước sinh hoạt khu vực Dinh Mười	Gia Ninh	2022-2024	4.000,0	1.300,0	1.300,0	2.700,0	1.350,0	
5	Đường Dinh Mười đi thôn Tiên Vinh	Gia Ninh	2022-2024	10.000,0	3.000,0	3.000,0	7.000,0	3.000,0	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HTT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí đến 30/11/2022		Số vốn còn thiếu 30/11/2022	Dự kiến bố trí năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong năm 2022			
1,2	Phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện			324.870,4	137.637,0	96.295,9	168.733,4	91.273,0	
1	Hạ tầng kỹ thuật đường số 2 khu Quy hoạch đô thị Đình Mười	Gia Ninh	2021-2023	14.800,0	5.352,1	352,1	9.447,9	8.440,0	
2	Hạ tầng kỹ thuật đường số 2 Hà Thiệp - Bắc Ninh (Giai đoạn 1)	Võ Ninh	2021-2023	14.800,0	5.891,0	891,0	8.909,0	7.908,0	
3	Nâng cấp đường Lương Yên - Lê Kỳ	Lương Ninh	2021-2023	5.000,0	4.650,0	3.350,0	350,0	350,0	
	Hạ tầng và kỹ thuật khu vực dài tương niệm (Giai đoạn 1)	Quán Hâu	2021-2023	3.997,8	3.099,0	899,0	898,8	898,0	
5	Đường GTNT từ nhà ông Rùa thôn Lê Kỳ 3 đến nhà ông Ninh thôn Lê Kỳ 1	Vĩnh Ninh	2021-2023	2.997,3	2.849,0	1.149,0	148,3	148,0	
6	Đường giao thông đồng nhà thờ Minh Trung	Gia Ninh	2021-2023	2.494,0	1.847,0	647,0	647,0	647,0	
7	Đường Giếng Bón	Vĩnh Ninh	2021-2023	3.999,0	3.850,0	1.950,0	149,0	149,0	
8	Đường tránh từ từ bến đò Trung Quán đi đường liên xã Võ - Duy - Hàm	Duy Ninh	2021-2023	3.800,0	3.650,0	1.750,0	150,0	150,0	
9	Đường vào khu dân cư mới Tân Định - Hiến Trung	Hải Ninh	2021-2023	2.700,0	2.550,0	1.750,0	150,0	150,0	
10	Mở rộng nâng cấp đường từ Thê Lộc đi Hữu Tân	Tân Ninh	2021-2023	3.493,5	3.397,0	1.497,0	96,5	96,0	
11	Đường thôn Phúc Mỹ, xã Xuân Ninh đi An Ninh	Xuân Ninh, An Ninh	2021-2023	4.000,0	3.550,0	2.450,0	450,0	450,0	
12	Nâng cấp đường Thôn Bón đi Xuân Sơn	Vạn Ninh	2021-2023	3.997,2	3.899,0	1.699,0	98,2	98,0	
13	Sửa chữa hồ Long Đền + Hốc Bón	Trương Xuân	2021-2023	2.994,4	2.897,0	997,0	97,4	97,0	
14	KCH kênh Kim Nại - Hới Su	An Ninh	2021-2023	1.997,2	1.949,0	649,0	48,2	48,0	
15	Đường Cây Sù - Tân Sơn	Trương Xuân	2021-2023	5.000,0	3.125,0	1.875,0	1.875,0	1.875,0	
16	Đường Nam Cổ Hiền đi đường Nguyệt Áng - Nam Long	Hiền Ninh	2021-2023	3.000,0	2.900,0	1.100,0	100,0	100,0	
17	Kiên cố hóa đường GTNT bản Trung Sơn	Trương Xuân	2021-2023	3.000,0	2.900,0	1.100,0	100,0	100,0	
18	Hạ tầng kỹ thuật đường số 2 Hà Thiệp - Bắc Ninh (Giai đoạn 2)	Võ Ninh	2021-2023	30.000,0	1.367,7	1.367,7	28.632,3	5.000,0	
19	Hạ tầng kỹ thuật đường số 1 khu đô thị Đình Mười	Gia Ninh	2020-2022	15.000,0	7.091,2		7.908,8	5.000,0	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí đến 30/11/2022		Số vốn còn thiếu 30/11/2022	Dự kiến bố trí năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong năm 2022			
20	Phòng lớp học, chức năng trường tiểu học Lương Ninh	Lương Ninh	2022-2023	3.000,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	
21	Đường Cầu Hóc đi nhà thờ Hoàng Kế Viêm	Lương Ninh	2022-2024	3.000,0	1.000,0	1.000,0	2.000,0	1.000,0	
22	Nâng cấp tuyến đường chính thôn Lương Yên	Lương Ninh	2022-2024	3.000,0	1.000,0	1.000,0	2.000,0	1.000,0	
23	Cụm cổ động tuyên truyền huyện Quảng Ninh	Lương Ninh	2022-2024	2.200,0	700,0	700,0	1.500,0	1.000,0	
24	Điện chiếu sáng Lương Ninh đi Phú Hải; Từ cầu Quán Hầu đi Chợ Vô Xá và khu vực trụ sở xã Gia Ninh	Lương Ninh, Vô Ninh, Gia Ninh, Quán Hầu	2022-2024	7.000,0	2.100,0	2.100,0	4.900,0	2.200,0	
25	Hạ tầng khu công viên cây xanh Đài tưởng niệm huyện Quảng Ninh (Giai đoạn 2)	Quán Hầu	2022-2024	4.000,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0	1.000,0	
26	Kho lưu trữ kết hợp nhà ăn trụ sở UBND huyện	Quán Hầu	2022-2023	2.500,0	1.200,0	1.200,0	1.300,0	1.300,0	
27	Kho lưu trữ hồ sơ người có công huyện (Phòng Lao động)	Quán Hầu	2022-2023	1.500,0	700,0	700,0	800,0	800,0	
28	Mở rộng khuôn viên, xây dựng hạ tầng phòng Tài chính - Kế hoạch và Đài truyền Thanh	Quán Hầu	2022-2023	2.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	
29	Hạ tầng kỹ thuật đường Hai Bà Trưng	Quán Hầu	2022-2024	5.000,0	1.500,0	1.500,0	3.500,0	1.500,0	
30	Nâng cấp các tuyến đường thị trấn Quán Hầu	Quán Hầu	2022-2024	1.800,0	600,0	600,0	1.200,0	600,0	
31	Nâng cấp đường Lê Lợi, Lê Quý Đôn đến chợ Quán Hầu	Quán Hầu	2022-2024	4.000,0	2.500,0	2.500,0	1.500,0	750,0	
32	Cải tạo trường THCS Quán Hầu	Quán Hầu	2022-2023	1.200,0	1.100,0	1.100,0	100,0	100,0	
33	Cấp nước sinh hoạt xã Vĩnh Ninh	Vĩnh Ninh	2022-2024	6.000,0	1.000,0	1.000,0	2.000,0	1.000,0	Ngân sách xã 3.000 triệu đồng
34	Nâng cấp đường vào trường mầm non và đường dân sinh thuộc thôn Chợ Gô	Vĩnh Ninh	2022-2024	2.500,0	800,0	800,0	1.700,0	850,0	
35	Kiên cố hóa kênh tưới kết hợp đường Trung Đồng HTX Vĩnh Trung	Vĩnh Ninh	2022-2024	3.500,0	1.600,0	1.600,0	1.900,0	1.000,0	
36	Nâng cấp đường từ trường tiểu học Vĩnh Ninh đi khu dân cư Đồng Rộc	Vĩnh Ninh	2022-2024	3.500,0	1.100,0	1.100,0	2.400,0	1.000,0	



Handwritten signature in blue ink.

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí đến 30/11/2022		Số vốn còn thiếu 30/11/2022	Dự kiến bố trí năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong năm 2022			
37	Hạ tầng kè khe cát Dinh Thủy	Võ Ninh	2022-2024	6.000,0	1.000,0	1.000,0	2.000,0	1.000,0	Ngân sách xã 3.000 triệu đồng
38	Kênh thoát nước qua khu dân cư thôn Thượng Hậu di thôn Trung	Võ Ninh	2022-2024	8.000,0	1.300,0	1.300,0	2.700,0	1.350,0	Ngân sách xã 4.000 triệu đồng
39	Điện chiếu sáng từ Duy Ninh đi Tân Ninh (Tuyến 564B)	Duy Ninh - Tân Ninh	2022-2024	3.000,0	2.000,0	2.000,0	1.000,0	500,0	
40	Cụm cổ động tuyên truyền tuyến đường Dinh Mười đi Tân Ninh	Duy Ninh	2022-2023	1.000,0	500,0	500,0	500,0	500,0	
41	Năng cấp đường từ 564B đến trung tâm xã Duy Ninh	Duy Ninh	2022-2024	6.500,0	2.300,0	2.300,0	4.200,0	2.000,0	
42	Đường giao thông nối nhà văn hóa di vùng Lườn thôn Hiền Vinh	Duy Ninh	2022-2024	4.000,0	1.200,0	1.200,0	2.800,0	1.200,0	
43	Năng cấp đường liên thôn Quyết Tiến- Trần Xá (Giải đoạn 2)	Hàm Ninh	2022-2024	3.500,0	1.000,0	1.000,0	2.500,0	1.000,0	
44	Năng cấp đường từ Quốc lộ 1A đi xóm mới thôn Hàm Hòa	Võ Ninh, Hàm Ninh	2022-2024	4.000,0	1.200,0	1.200,0	2.800,0	1.400,0	
45	Năng cấp đường liên thôn Trường Niên - Quyết Tiến	Hàm Ninh	2022-2024	2.000,0	700,0	700,0	1.300,0	650,0	
46	Đường từ chợ Dinh Mười đi trạm bơm Rào Bạc	Gia Ninh, Duy Ninh	2022-2024	5.500,0	1.700,0	1.700,0	3.800,0	2.400,0	
47	Kè khe Trường Xuân, xã Gia Ninh	Gia Ninh	2022-2024	3.000,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	750,0	
48	Hạ tầng kỹ thuật đường Tân Định đi đường ngoài hàng rào FLC	Hải Ninh	2022-2024	14.500,0	2.000,0	2.000,0	4.000,0	2.000,0	Ngân sách xã 8.500 triệu đồng
49	Năng cấp đường từ quỹ tình dụng đi bãi tắm Tân Định xã Hải Ninh	Hải Ninh	2022-2024	2.000,0	600,0	600,0	1.400,0	700,0	
50	Năng cấp đường từ Nam Cổ Hiền đi Trường Dục	Hiển Ninh	2022-2024	2.000,0	600,0	600,0	1.400,0	700,0	
51	Năng cấp đường giao thông thôn Long Đại	Hiển Ninh	2022-2024	2.000,0	600,0	600,0	1.400,0	700,0	



TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí đến 30/11/2022		Số vốn còn thiếu 30/11/2022	Dự kiến bố trí năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong năm 2022			
52	Nâng cấp đường từ Quảng Xá đi xã Hiền Ninh	Tân Ninh - Hiền Ninh	2022-2024	6.000,0	2.000,0	2.000,0	4.000,0	1.700,0	
53	Phòng học và bếp ăn trường mầm non Tân Ninh	Tân Ninh	2022-2023	2.700,0	1.400,0	1.400,0	1.300,0	1.300,0	
54	Cấp nước sinh hoạt thôn Hữu Tân	Tân Ninh	2022-2024	3.000,0	900,0	900,0	2.100,0	1.000,0	
55	Nâng cấp đường trục thôn Nguyệt Áng	Tân Ninh	2022-2024	2.500,0	800,0	800,0	1.700,0	850,0	
56	Nâng cấp đường đê bao thôn Hòa Bình, xã Tân Ninh	Tân Ninh	2022-2024	2.600,0	900,0	900,0	1.700,0	850,0	
57	Phòng học trường mầm non Xuân Ninh	Xuân Ninh	2022-2023	4.000,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0	1.800,0	
58	Cải tạo trường THCS Xuân Ninh	Xuân Ninh	2022-2023	1.200,0	1.050,0	1.050,0	150,0	90,0	
59	Nâng cấp đường Xuân Dục 1 đi đường Nam Long - Nguyệt Áng	Xuân Ninh	2022-2024	2.000,0	1.300,0	1.300,0	700,0	350,0	
60	Nâng cấp đường từ đường Hồ Chí Minh qua UBND xã Xuân Ninh	Xuân Ninh	2022-2024	2.500,0	800,0	800,0	1.700,0	850,0	
61	Phòng học trường tiểu học số 2 An Ninh	An Ninh	2022-2023	2.700,0	1.400,0	1.400,0	1.300,0	1.100,0	
62	Nâng cấp đường đoạn từ cuối thôn Lộc Long đi qua Trụ sở xã An Ninh	An Ninh	2022-2024	4.000,0	1.200,0	1.200,0	2.800,0	1.400,0	
63	KCH kênh tưới cấp 3 và kênh tưới trạm bơm Hoàng Vinh	An Ninh	2022-2024	2.500,0	800,0	800,0	1.700,0	850,0	
64	Nâng cấp đường liên thôn Hoàng Vinh đi phía đông thôn Thông Nhất	An Ninh	2022-2024	3.000,0	1.950,0	1.950,0	1.050,0	525,0	
65	Hạ tầng kỹ thuật đường từ Khe Đại Phúc đi qua trụ sở xã Vạn Ninh	Vạn Ninh	2022-2024	6.500,0	2.723,1	2.723,1	3.776,9	1.954,0	
66	Nâng cấp đường từ đường HCM đi xóm Nen (Bao gồm tuyến nối đi lăng mộ Nguyễn Hữu Dật)	Vạn Ninh	2022-2024	6.000,0	3.300,0	3.300,0	2.700,0	1.500,0	
67	Nâng cấp đường từ Khe Phú về trại giống	Vạn Ninh	2022-2024	2.000,0	600,0	600,0	1.400,0	700,0	
68	Đường nối từ nhà văn hóa thôn Rào Dá đi khu di tích Núi Thần Đinh	Trưởng Xuân	2022-2024	2.000,0	600,0	600,0	1.400,0	700,0	
69	Cấp nước sinh hoạt thôn Kim Sen, xã Trưởng Xuân	Trưởng Xuân	2022-2024	3.000,0	1.000,0	1.000,0	2.000,0	1.000,0	
70	Nâng cấp đường bán Hang Chuồn đi trục chính đường Trưởng Xuân - Trưởng Sơn	Trưởng Xuân	2022-2024	2.000,0	600,0	600,0	1.400,0	700,0	

TT	Tên dự án công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí đến 30/11/2022		Số vốn còn thiếu 30/11/2022	Dự kiến bố trí năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong năm 2022			
71	Nhà lớp học điểm Rìn Rìn trường Tiểu học Trường Sơn	Trường Sơn	2022-2023	3.200,0	1.600,0	1.600,0	1.600,0	1.400,0	
72	Phòng chức năng trường THCS Trường Sơn	Trường Sơn	2022-2023	3.200,0	1.600,0	1.600,0	1.600,0	1.600,0	
73	Nâng cấp đường tránh lừ thôn Liên Xuân - Long Sơn	Trường Sơn	2022-2024	5.500,0	1.700,0	1.700,0	3.800,0	1.900,0	
74	Nâng cấp đường giao thông Liên Thượng	Trường Sơn	2022-2024	3.000,0	1.000,0	1.000,0	2.000,0	1.000,0	
1.3	Trả nợ, đối ứng các công trình do tỉnh quyết định đầu tư và hỗ trợ			20.000,0	16.000,0	4.000,0	4.000,0	2.000,0	
1	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường vào bản Ploang, xã Trường Sơn	Trường Sơn	2021-2022	20.000,0	16.000,0	4.000,0	4.000,0	2.000,0	
II	Khởi công mới			860.200,0	-	-	789.900,0	108.300,0	
II.1	Đầu tư đô thị Dinh Mười (Thực hiện chương trình hành động của Huyện ủy)			419.200,0	-	-	419.200,0	33.600,0	
1	Cấp nước sinh hoạt trong khu đô thị Dinh Mười	Gia Ninh	2023-2025	7.000			7.000,0	2.000,0	
2	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường D2 Đô thị Dinh Mười	Gia Ninh	2023-2025	42.000			42.000,0	4.000,0	
3	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường D1 Đô thị Dinh Mười	Gia Ninh	2023-2025	33.000			33.000,0	4.000,0	
4	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường N1 Đô thị Dinh Mười	Gia Ninh	2023-2025	11.200			11.200,0	1.500,0	
5	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Gia Ninh - Hải Ninh,	Gia Ninh, Hải Ninh	2023-2025	45.000			45.000,0	5.000,0	
6	Hạ tầng kỹ thuật tuyến Đường D3 Đô thị Dinh Mười	Gia Ninh	2023-2025	22.500			22.500,0	3.000,0	
7	Cấp nước sinh hoạt khu Đô thị Dinh Mười (Giai đoạn 2)	Gia Ninh, Võ Ninh, Hải Ninh	2023-2025	20.000			20.000,0	1.000,0	
8	Xây dựng quảng trường biên huyện Quảng Ninh	Hải Ninh	2023-2025	30.000			30.000,0	7.500,0	
9	Đường vào chợ Dinh Mười (Giai đoạn 2)	Gia Ninh	2023-2025	5.000,0			5.000,0	1.500,0	
10	Hạ tầng kỹ thuật tuyến Đường D4 Đô thị Dinh Mười	Gia Ninh	2023-2025	23.000			23.000,0	400,0	
11	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường N2 Đô thị Dinh Mười	Võ Ninh	2023-2025	12.500			12.500,0	400,0	
12	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường N3 Đô thị Dinh Mười	Gia Ninh	2023-2025	18.500			18.500,0	400,0	
13	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường D5 Đô thị Dinh Mười	Võ Ninh, Gia Ninh	2023-2025	25.500			25.500,0	400,0	
14	Hạ tầng kỹ thuật mở rộng tuyến đường quy hoạch 50m từ Km2+246 đến đường ven biển	Gia Ninh, Hải Ninh	2023-2025	29.000			29.000,0	400,0	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí đến 30/11/2022		Số vốn còn thiếu 30/11/2022	Dự kiến bố trí năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong năm 2022			
15	Khu phức hợp văn hóa thể thao thuộc khu Đô thị Dinh Mười	Võ Ninh	2023-2025	65.000			65.000,0	1.000,0	
16	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng đô thị Dinh Mười và vùng phụ cận	Gia Ninh, Võ Ninh	2023-2025	10.000			10.000,0	400,0	
17	Hạ tầng công viên thuộc khu Đô thị Dinh Mười	Võ Ninh, Gia Ninh	2023-2025	14.500			14.500,0	400,0	
18	Trồng cây xanh công viên khu vực đô thị Dinh 10	Gia Ninh, Võ Ninh, Hải Ninh	2023-2025	5.500			5.500,0	300,0	
1.2	Phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện			441.000,0			370.700,0	74.700,0	
1	Nhà lớp học trường mầm non Lương Ninh khu vực Lương Yên	Lương Ninh	2023-2025	8.000,0			8.000,0	2.000,0	
2	Mở thông đường Hà Văn Quan và mở rộng khuôn viên trường THCS Quán Hầu	Quán Hầu	2023-2025	9.000,0			9.000,0	6.000,0	
3	Nghĩa trang nhân dân thị trấn Quán Hầu (thuộc quy hoạch chi tiết xây dựng hạ tầng khu nghĩa địa phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghiệp Tây Bắc Quán Hầu (Khu B))	Vĩnh Ninh	2023-2025	2.000,0			2.000,0	1.200,0	
4	Nhà lớp học 6 phòng và hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường tiểu học Vĩnh Ninh	Vĩnh Ninh	2023-2025	4.500,0			4.500,0	1.100,0	
5	Đường thôn Lệ Kỳ 3 di khu công nghiệp	Vĩnh Ninh	2023-2025	3.000,0			3.000,0	900,0	
6	Cải tạo trạm bơm số 1 và hệ thống kênh tưới ông Đồng	Võ Ninh	2023-2025	9.000,0			4.000,0	900,0	Ngân sách xã 5.000 triệu đồng
7	Đường trục chính thôn Tây về thôn Phú Cát	Võ Ninh	2023-2025	4.000,0			4.000,0	1.200,0	Ngân sách xã 6.000 triệu đồng
8	Đường từ thôn Tiên đi Đô thị Dinh Mười và vùng phụ cận	Võ Ninh	2023-2025	9.500,0			3.500,0	900,0	
9	Đường Quyết Tiến - Trần Xá (Đoạn từ nhà văn hóa đi xóm 1)	Hàm Ninh	2023-2025	4.000,0			4.000,0	900,0	
10	Trường mầm non trung tâm xã Hàm Ninh	Hàm Ninh	2023-2025	6.000,0			6.000,0	1.500,0	





TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí đến 30/11/2022		Số vốn còn thiếu 30/11/2022	Dự kiến bố trí năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong năm 2022			
11	Mở rộng đường xóm mới thôn Hàm Hòa đi qua trung tâm xã	Hàm Ninh	2023-2025	6.000,0			6.000,0	1.500,0	
12	Đường kết hợp kênh tưới Hiền Lộc đi Tả Phan	Duy Ninh	2023-2025	6.000,0			6.000,0	1.500,0	
13	Kênh Tả Phan - Vùng Bàu	Duy Ninh	2023-2025	2.700,0			2.700,0	800,0	
14	Đường từ UBND xã Duy Ninh đi Phú Ninh	Duy Ninh	2023-2025	6.000,0			6.000,0	1.500,0	
15	Mở rộng đường Hiền Lộc đi Đình Mười	Duy Ninh	2023-2025	1.100,0			1.100,0	200,0	
16	Hạ tầng kỹ thuật kết hợp mương thoát lũ cửa 2 thôn Bắc Ngủ và Trường An	Gia Ninh	2023-2025	4.000,0			4.000,0	1.100,0	
17	Nhà hiệu bộ trường mầm non xã Gia Ninh	Gia Ninh	2023-2025	3.000,0			3.000,0	800,0	
18	Đường trung tâm xã Gia Ninh đoạn từ ngã ba Mỹ Trung đi trạm y tế xã (Đi về phía Đông trụ sở UBND xã)	Gia Ninh	2023-2025	8.000,0			4.000,0	1.000,0	Ngân sách xã 4.000 triệu đồng
19	Đường trung tâm xã Gia Ninh đoạn từ ngã ba Mỹ Trung đi trường THCS xã Gia Ninh (Đi về phía Đông trụ sở UBND xã)	Gia Ninh	2023-2025	7.000,0			3.500,0	900,0	Ngân sách xã 3.500 triệu đồng
20	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường 569 thôn Tân Định đi đường ngoài hàng rào FLC (Giai đoạn 2)	Hải Ninh	2023-2025	14.500,0			7.000,0	1.300,0	Ngân sách xã 7.500 triệu đồng
21	Hệ thống điện chiếu sáng dọc đường 569 từ bãi tắm đi thôn Tân Định đến đường ngoài hàng rào FLC	Hải Ninh	2023-2025	6.000,0			6.000,0	1.500,0	
22	Hạ tầng kỹ thuật bãi tắm Tân Định	Hải Ninh	2023-2025	14.500,0			7.000,0	1.500,0	Ngân sách xã 7.500 triệu đồng
23	Mở rộng trục đường chính thôn Hòa Bình	Tân Ninh	2023-2025	4.500,0			4.500,0	1.000,0	
24	Đường nối đường 564B đi Hữu Tân (Tuyến đi qua trạm y tế xã Tân Ninh)	Tân Ninh	2023-2025	5.500,0			5.500,0	1.500,0	
25	Điện chiếu sáng cầu Trung Quán và đoạn qua trụ sở xã Tân Ninh	Tân Ninh	2023-2025	2.500,0			2.500,0	800,0	
26	Trụ sở công an xã Tân Ninh	Tân Ninh	2023-2025	2.400,0			2.400,0	700,0	
27	Đường tránh lũ thôn Đồng Tư	Hiên Ninh	2023-2025	2.500,0			2.500,0	700,0	
28	Hạ tầng kỹ thuật đường Hiền Xuân An Vạn (đoạn qua xã Hiên Ninh)	Hiên Ninh	2023-2025	4.500,0			4.500,0	1.000,0	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí đến 30/11/2022		Số vốn còn thiếu 30/11/2022	Dự kiến bố trí năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong năm 2022			
29	Nhà lớp học 4 phòng học, bộ môn và khuôn viên trường THCS & Tiểu học Long Đại	Hiên Ninh	2023-2025	4.000,0		4.000,0	1.100,0		
30	Cấp nước sinh hoạt xã Hiên Ninh	Hiên Ninh	2023-2025	4.000,0		4.000,0	800,0		
31	Nhà bộ môn trường THCS Xuân Ninh	Xuân Ninh	2023-2025	4.500,0		4.500,0	1.000,0		
32	Đường vào khu mới nghĩa trang nhân dân xã	Xuân Ninh	2023-2025	3.500,0		1.500,0	700,0		Ngân sách xã 2.000 triệu đồng
33	Nâng cấp đường Hiên Xuân An Vạn (đoạn qua thôn Lộc Long)	Xuân Ninh	2023-2025	3.000,0		3.000,0	800,0		
34	Đường thôn Đông Tư đi Xuân Ninh	Xuân Ninh	2023-2025	4.000,0		4.000,0	1.100,0		
35	Xây dựng chợ Hoàng Vinh xã An Ninh (Chợ trung tâm xã)	An Ninh	2023-2025	5.000,0		2.000,0	600,0		Ngân sách xã 3.000 triệu đồng
36	Cống Hối Choọc, xã An Ninh	An Ninh	2023-2025	5.500,0		5.500,0	1.500,0		
37	Hà tầng kỹ thuật đoạn trụ số xã An Ninh đi Vạn Ninh	Vạn Ninh	2023-2025	3.500,0		3.500,0	900,0		
38	Nhà lớp học 4 phòng và khuôn viên, PCCC trường THCS Vạn Ninh	Vạn Ninh	2023-2025	4.000,0		4.000,0	1.200,0		
39	Hà tầng kỹ thuật tuyến đường về trung tâm xã (Đoạn từ Đại Phúc đi Nam Hải)	Vạn Ninh	2023-2025	6.000,0		6.000,0	1.500,0		
40	Nâng cấp đường từ thôn Đồn đi đường Hồ Chí Minh	Vạn Ninh	2023-2025	4.000,0		4.000,0	900,0		
41	Kè và khuôn viên trường mầm non Trường Xuân (Khu trung tâm)	Trường Xuân	2023-2025	5.000,0		5.000,0	1.200,0		
42	Đường tránh lũ thôn Rào Đá - Quyết Thắng (qua khu đi dân thôn Quyết Thắng)	Trường Xuân	2023-2025	5.000,0		5.000,0	1.200,0		
43	Nâng cấp đường từ Quyết Thắng đi Rào Trù	Trường Xuân	2023-2025	10.000,0		10.000,0	1.700,0		
44	Cải tạo, nâng cấp trụ số và xây dựng mới phòng làm việc trụ số UBND xã Trường Sơn	Trường Sơn	2023-2025	4.000,0		2.000,0	700,0		Ngân sách xã 2.000 triệu đồng
45	Nâng cấp các tuyến đường giao thông thôn Long Sơn và Tân Sơn	Trường Sơn	2023-2025	4.000,0		4.000,0	1.000,0		
46	Đường bán Nước Dâng đi bản Hối Rầy	Trường Sơn	2023-2025	6.000,0		6.000,0	1.500,0		

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí đến 30/11/2022		Số vốn còn thiếu 30/11/2022	Dự kiến bố trí năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong năm 2022			
69	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông từ thôn Lương Yên đi Trường tiểu học Lương Ninh	Lương Ninh	2023-2025	6.000,0		3.000,0	200,0	Ngân sách xã 3.000 triệu đồng	
70	Nâng cấp hệ thống thoát nước TT Quán Hàu	Quán Hàu	2023-2025	5.000,0		5.000,0	200,0		
71	Nâng cấp các tuyến đường nội thị	Quán Hàu	2023-2025	5.500,0		5.500,0	200,0		
72	Lát vỉa hè các tuyến đường nội thị	Quán Hàu	2023-2025	2.000,0		2.000,0	150,0		
73	Nâng cấp, mở rộng đường từ chợ Vĩnh Tuy đi thôn Vĩnh Tuy 4	Vĩnh Ninh	2023-2025	2.900,0		2.900,0	200,0		
74	Đường phía bắc thôn Lê Kỳ 1 đi Võ Thắng Quan	Vĩnh Ninh	2023-2025	3.000,0		3.000,0	200,0		
75	Cấp nước sinh hoạt xã Vĩnh Ninh (Giai đoạn 2)	Vĩnh Ninh	2023-2025	6.000,0		3.000,0	200,0	Ngân sách xã 3.000 triệu đồng	
76	Nâng cấp trường THCS Vĩnh Ninh	Vĩnh Ninh	2023-2025	1.100,0		1.100,0	100,0	Ngân sách xã 3.000 triệu đồng	
77	Nâng cấp, mở rộng đường vào trường tiểu học Võ Ninh thôn Hà Thiệp	Võ Ninh	2023-2025	6.000,0		3.000,0	200,0	Ngân sách xã 4.000 triệu đồng	
78	Đường giao thông nội đồng kết hợp thủy lợi vùng đầm thôn Trúc Ly	Võ Ninh	2023-2025	5.500,0		1.500,0	200,0	Ngân sách xã 4.000 triệu đồng	
79	Xây dựng hạ tầng nghĩa trang nhân dân xã Võ Ninh	Võ Ninh	2023-2025	14.800,0		5.000,0	500,0	Ngân sách xã 9.800 triệu đồng	
80	Nước sinh hoạt thôn Hàm Hòa	Hàm Ninh	2023-2025	2.000,0		2.000,0	150,0	Ngân sách xã 1.500 triệu đồng	
81	Đường Hàm Hòa - Tả Phan	Hàm Ninh	2023-2025	3.000,0		1.500,0	200,0	Ngân sách xã 1.500 triệu đồng	
82	Đường giao thông tiến làng thôn Quyết Tiến	Hàm Ninh	2023-2025	3.000,0		1.500,0	200,0	Ngân sách xã 1.500 triệu đồng	
83	Điện chiếu sáng khu vực trung tâm xã Hàm Ninh (Đoạn trung tâm xã thuộc tuyến đường Võ - Duy - Hàm)	Hàm Ninh	2023-2025	1.200,0		1.200,0	100,0		
84	Nhà lớp học 6 phòng và hệ thống PCCC trường THCS Duy Ninh	Duy Ninh	2023-2025	4.000,0		4.000,0	200,0		

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí đến 30/11/2022		Số vốn còn thiếu 30/11/2022	Dự kiến bố trí năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong năm 2022			
47	Nhà lớp học 4 phòng tiểu học Long Sơn (điểm trường bản Trùng Sơn)	Trùng Sơn	2023-2025	3.600,0			3.600,0	800,0	
48	Nhà nội trú giáo viên Trùng Sơn	Trùng Sơn	2023-2025	4.400,0			4.400,0	1.200,0	
49	Nâng cấp nhà một cửa liên thông và trung tâm điều hành thông minh	Quản Hậu	2023-2025	3.000,0			3.000,0	800,0	
50	Nâng cấp, tu sửa Ban QL rừng phòng hộ và các trạm	Vạn Ninh, Trùng Sơn	2023-2025	2.500,0			2.500,0	700,0	
51	Hoàn thiện hạ tầng khu vực sân vận động huyện	Quản Hậu	2023-2025	3.000,0			3.000,0	800,0	
52	Sân, hệ thống thoát nước tương đài tiếng trống Ninh Châu	Duy Ninh	2023-2025	700,0			700,0	200,0	
53	Tùng tu làng mộ Hữu Quân đồ thông Lê Sỹ, khuôn viên nhà thờ họ Lê (DTLS 559, nhà bia Lũy Trùng Dục)	Vô Ninh	2023-2025	400,0			400,0	200,0	
54	Nâng cấp 02 cụm cỏ động tuyên truyền ở 2 đầu địa giới huyện	Lương Ninh, Gia Ninh	2023-2025	600,0			600,0	200,0	
55	Đường vào đền thờ Chiêu Vũ Hầu Nguyễn Hữu Dật và Hào Lương Hữu Nguyễn Hữu Hào	Vạn Ninh	2023-2025	600,0			600,0	200,0	
56	Chỉnh trang khu vực đón tiếp tiếp đi tích danh thắng Núi Thần Đinh	Trùng Xuân	2023-2025	700,0			700,0	200,0	
57	Đường vào và khuôn viên vụ thăm sát chợ Gô	Vĩnh Ninh	2023-2025	3.800,0			3.800,0	700,0	
58	Sửa chữa nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Lương Ninh	Lương Ninh	2023-2025	1.150,0			1.150,0	300,0	
59	Sửa chữa nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Vĩnh Ninh	Vĩnh Ninh	2023-2025	1.100,0			1.100,0	300,0	
60	Sửa chữa nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Trùng Xuân	Trùng Xuân	2023-2025	1.100,0			1.100,0	300,0	
61	Sửa chữa nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã An Ninh	An Ninh	2023-2025	1.150,0			1.150,0	300,0	
62	Sửa chữa nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Duy Ninh	Duy Ninh	2023-2025	350,0			350,0	200,0	
63	Sửa chữa nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Hàm Ninh	Hàm Ninh	2023-2025	1.000,0			1.000,0	300,0	
64	Sửa chữa nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Hiền Ninh	Hiền Ninh	2023-2025	1.150,0			1.150,0	300,0	
65	Khuôn viên trạm y tế xã Trùng Sơn	Trùng Sơn	2023-2025	1.200,0			1.200,0	500,0	
66	Chuyến đòi số	Toàn huyện	2023-2025	6.000,0			6.000,0	1.500,0	
67	Xây dựng mới cầu Hoóc và kẻ hạ lưu phía nam cầu	Lương Ninh	2023-2025	5.000,0			2.500,0	500,0	Ngân sách xã 2.500 triệu đồng
68	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi thôn Văn La, Lương Yên, xã Lương Ninh	Lương Ninh	2023-2025	3.000,0			3.000,0	200,0	

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí đến 30/11/2022		Số vốn còn thiếu 30/11/2022	Dự kiến bố trí năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong năm 2022			
85	Kênh thoát úng thôn Phú Vinh xã Duy Ninh	Duy Ninh	2023-2025	1.500,0			1.500,0	150,0	
86	Trụ sở công an xã Duy Ninh	Duy Ninh	2023-2025	2.900,0			2.900,0	200,0	
87	Kè hạ lưu khe cây Dầm kết hợp đường thôn Đắc Thăng	Gia Ninh	2023-2025	1.800,0			1.800,0	150,0	
88	Kè khe Trường Xuân, xã Gia Ninh (Giai đoạn 2)	Gia Ninh	2023-2025	3.000,0			3.000,0	200,0	
89	Đường phía sau chợ Đắc Thăng đi Hồng Thủy	Gia Ninh	2023-2025	2.000,0			2.000,0	150,0	
90	Đường Hữu Tân đi Hoành Vinh	Tân Ninh	2023-2025	3.500,0			3.500,0	200,0	
91	Nâng cấp mở rộng đường từ 564B đi Hòa Bình	Tân Ninh	2023-2025	2.800,0			2.800,0	200,0	
92	Nâng cấp đường giao thông thôn Hữu Tân	Tân Ninh	2023-2025	2.800,0			2.800,0	200,0	
93	Nâng cấp đường từ trường tiểu học Xuân Ninh đi đường JBIC	Hiên Ninh	2023-2025	2.000,0			2.000,0	150,0	
94	KCH kênh cấp 1 HTX Đồng Tư - Cỏ Hiên	Hiên Ninh	2023-2025	2.500,0			2.500,0	150,0	
95	Tuyến đường từ chợ Cỏ Hiên đi bến đò Long Đài	Hiên Ninh	2023-2025	2.000,0			2.000,0	150,0	
96	Cấp nước nước sinh hoạt xã Xuân Ninh (Giai đoạn 2)	Xuân Ninh	2023-2025	3.000,0			3.000,0	200,0	
97	Đường từ An Ninh nổi khu A, khu B thôn Vô Tân	Xuân Ninh	2023-2025	3.000,0			3.000,0	200,0	
98	Khuôn viên, bể ăn trường mầm non Xuân Ninh (Cụm Lộc Long)	Xuân Ninh	2023-2025	2.000,0			2.000,0	150,0	
99	Kênh Mỵ Xã xã Xuân Ninh	Xuân Ninh	2023-2025	3.500,0			3.500,0	200,0	
100	Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt thôn Thu Thừ	An Ninh	2023-2025	2.000,0			2.000,0	150,0	
101	Đường thôn Thống Nhất đi Phúc Nhi	An Ninh	2023-2025	5.500,0			5.500,0	500,0	
102	Phòng học thực hành bộ môn và PCCC trường THCS An Ninh	An Ninh	2023-2025	4.500,0			4.500,0	550,0	
103	Sửa chữa nâng cấp khuôn viên trường mầm non cụm Trung tâm xã Vạn Ninh	Vạn Ninh	2023-2025	2.800,0			2.800,0	200,0	
104	Cải tạo sửa chữa khuôn viên tại cơ sở 2 trường tiểu học Vạn Ninh	Vạn Ninh	2023-2025	1.200,0			1.200,0	100,0	
105	Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt các thôn xã Vạn Ninh	Vạn Ninh	2023-2025	3.000,0			1.500,0	200,0	Ngân sách xã 1.500 triệu đồng
106	Trụ sở công an xã Vạn Ninh	Vạn Ninh	2023-2025	2.000,0			2.000,0	150,0	
107	Kênh tưới thôn Xuân Sơn	Vạn Ninh	2023-2025	1.500,0			1.500,0	150,0	
108	Cấp nước sinh hoạt thôn Rao Trù, bản Khe Dầy, Khe Ngang	Trường Xuân	2023-2025	4.000,0			4.000,0	200,0	
109	Hoàn thiện đường vào Bàn Sắt	Trường Sơn	2023-2025	3.000,0			3.000,0	200,0	



TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí đến 30/11/2022		Số vốn còn thiếu 30/11/2022	Dự kiến bố trí năm 2023	Ghi chú
					Tổng số	Trong năm 2022			
110	Xây dựng tường rào khuôn viên, mái bếp ăn các điểm lễ trường mầm non Trường Sơn	Trường Sơn	2023-2025	2.000,0			2.000,0	150,0	
111	Xây dựng bể bơi huyện Quảng Ninh	Quán Hâu	2023-2025	10.000,0			10.000,0	300,0	
III	Đổi ứng làm đường giao thôn nông thôn năm 2023			10.000,0			10.000,0	10.000,0	
IV	Đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy quyền sử dụng đất, lập quy hoạch, kế hoạch và dự phòng khẩn cấp			12.000,0			12.000,0	12.000,0	
V	Đầu tư hạ tầng phát triển quỹ đất			54.500,0			54.500,0	54.500,0	

2